

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ							
1	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật							
1.1	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (1.014776)	- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại.	Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Trường hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố không thể tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường mạng hoặc tổ chức, cá nhân không thể nộp hồ sơ trên môi trường mạng, cá nhân, tổ chức nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính)	Không	X	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ.	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
2	Lĩnh vực Giảm nghèo ¹							
2.1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Thời gian rà soát từ ngày 01/9 đến hết ngày 14/12 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31/12 hằng năm.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		X
2.2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Thời gian rà soát từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		X

¹ Danh mục 02 TTHC ban hành mới trong lĩnh vực Giảm nghèo có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2026.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I	DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
1	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1.1	1.003618.H42	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về khuyến nông
II	DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ		
1	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1.1	1.003596.H42	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về khuyến nông.